

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGHỀ: SỬA CHỮA MÁY THI CÔNG XÂY DỰNG**  
**MÃ NGHỀ: 6520146**  
**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: ..... /QĐ-CDNVX1 ngày .....tháng..... năm  
2025 của Hiệu trưởng Trường CDN Việt Xô Số 1)*

*Vĩnh Phúc, Năm 2025*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT XÔ SỐ 1**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGHỀ: SỬA CHỮA MÁY THI CÔNG XÂY DỰNG**  
**MÃ NGHỀ: 6520146**  
**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: ..... /QĐ-CDNVXI ngày .....tháng..... năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường CDN Việt Xô Số 1)*

*Vĩnh Phúc, năm 2025*

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Nghề:** Sửa chữa máy thi công xây dựng

**Mã nghề:** 5520146

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT

**Thời gian khóa học:** 1,5 năm

### **1. Giới thiệu chương trình, mô tả ngành/ nghề đào tạo:**

Nghề sửa chữa máy thi công xây dựng trình độ Trung cấp là nghề sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy như: máy xúc, máy ủi, máy san, máy cạp, máy lu... có dẫn động bằng động cơ đốt trong. Máy thi công xây dựng bao gồm các bộ phận hợp thành, đó là phần động cơ; hệ thống truyền lực; hệ thống lái, phanh, treo; hệ thống điện; hệ thống thủy lực và thiết bị công tác. Việc sửa chữa bảo gồm: phục hồi, bảo dưỡng, thay thế, cân chỉnh... các bộ phận của máy để làm cho máy trở về trạng thái hoạt động như bình thường, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các nhiệm vụ chính của nghề: Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế động cơ và các bộ phận, hệ thống của máy để đưa máy có sự cố về trạng thái hoạt động bình thường.

Thiết bị, dụng cụ chủ yếu của nghề: gồm các loại kích nâng, cầu nâng, dụng cụ sửa chữa, thiết bị làm sạch, tẩy rửa chi tiết, thiết bị uốn, nắn, hàn, cắt...

Phạm vi, vị trí làm việc: người hành nghề “ Sửa chữa máy thi công xây dựng” làm việc tại: xưởng sửa chữa, nhà máy và công trường xây dựng (nếu công việc bảo dưỡng, sửa chữa không quá phức tạp).

Đặc điểm môi trường làm việc: khi thực hiện công việc sửa chữa máy thi công xây dựng có thể làm việc trong nhà máy hoặc xưởng sửa chữa nóng bức, tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ, mất an toàn lao động hoặc có thể thao tác ngay tại công trường xây dựng, chịu tác động nắng mưa của thời tiết.

### **2. Mục tiêu đào tạo**

#### **2.1. Mục tiêu chung:**

- Đào tạo nhân lực trực tiếp trong nghề sửa chữa máy thi công xây dựng có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ trung cấp; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, thăng tiến trong nghề nghiệp hoặc học lên trình độ cao hơn

- Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp nghề sửa chữa máy thi công xây dựng và một số công việc có

tính phức tạp trong một số tình huống khác nhau; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; có khả năng giải quyết được một số tình huống phức tạp thuộc nghề sửa chữa máy thi công xây dựng;

## 2.2. Mục tiêu cụ thể:

### a. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

#### - Kiến thức:

- + Trình bày được kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại máy thi công xây dựng thông dụng như (Xúc, Ủi, Cần trục, San).

- + Tra cứu được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy thi công xây dựng thông dụng khi được cung cấp tài liệu kèm theo.

- + Nhận ra được các loại cơ cấu, chi tiết dạng định hình, các loại vật liệu, các loại mối ghép cơ bản để vận dụng trong quá trình tháo lắp bảo dưỡng và sửa chữa.

- + Mô tả được cấu trúc cơ bản, chức năng, nhiệm vụ và các thông số kỹ thuật cơ bản của các cơ cấu, bộ phận điều khiển điện, điện tử và thực hiện bảo dưỡng trên các máy thi công xây dựng thông dụng

#### - Kỹ năng:

- + Sử dụng được dụng cụ, thiết bị đo kiểm trong quá trình kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa.

- + Thực hiện được công việc tháo lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu, hệ thống truyền động cơ khí trên các máy thi công xây dựng thông dụng.

- + Thực hiện được các công việc kiểm tra, xác định được tình trạng kỹ thuật để bảo dưỡng, thay thế các cơ cấu hệ thống điều khiển bằng điện, điện tử và thủy lực.

- + Làm được một số công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn, thợ điện phục vụ cho quá trình bảo dưỡng, sửa chữa.

#### - Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- + Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- + Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- + Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- + Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

b. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, pháp luật:

+ Vận dụng những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng CSVN, truyền thống của dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:

+ Hình thành, bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân; đào tạo những người lao động có tay nghề, năng động và sáng tạo, có niềm tự hào dân tộc, có đạo đức, có ý chí vươn lên góp phần thực hiện mục tiêu chung cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Hình thành thái độ và tinh thần làm việc, cách sắp xếp công việc, sử dụng thời gian hợp lý, khả năng liên kết làm việc nhóm, đặt mục tiêu trong cuộc sống và trong công việc, thái độ đúng mực trong giao tiếp ứng xử.

+ Trang bị cho người học một số kỹ năng cần thiết và chuẩn bị tâm lý thật tốt để tự tin bước vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

- Thể chất, quốc phòng :

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: thể dục buổi sáng, điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền... và các môn thể thao bổ trợ cho hoạt động nghề nghiệp.

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang.

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn. Biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

**3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Tự mở xưởng vừa và nhỏ làm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Máy thi công xây dựng và máy thi công xây dựng.

- Tham gia làm việc tại các nhà máy, công ty, các xưởng lắp ráp, sửa chữa bảo dưỡng Máy thi công xây dựng và máy thi công xây dựng trong nước cũng như trong hợp tác lao động quốc tế.

- Có cơ hội học lên trình độ cao hơn

#### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1455 (giờ)

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 (giờ)

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1200 (giờ)

- Khối lượng lý thuyết: 411 (giờ); thực hành: 935 (giờ); Kiểm tra: 109 (giờ)

#### **5. Tổng hợp các năng lực của ngành/ nghề**

| <b>TT</b> | <b>Mã năng lực</b>                            | <b>Tên năng lực</b>                                                      |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>       |                                                                          |
| 1         | NLCB-01                                       | Ứng xử nghề nghiệp                                                       |
| 2         | NLCB-02                                       | Thích nghi nghề nghiệp                                                   |
| 3         | NLCB-03                                       | Sử dụng công nghệ thông tin                                              |
| 4         | NLCB-04                                       | An toàn lao động                                                         |
| 5         | NLCB-05                                       | Rèn luyện thân thể                                                       |
| 6         | NLCB-06                                       | Đạo đức nghề nghiệp                                                      |
| <b>II</b> | <b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b> |                                                                          |
| 7         | NLCL-01                                       | Thực hiện các công việc chuẩn bị                                         |
| 8         | NLCL-02                                       | Thực hiện sơ cứu cơ bản                                                  |
| 9         | NLCL-03                                       | Tra cứu tài liệu kỹ thuật về chuyên ngành Sửa chữa máy thi công xây dựng |
| 10        | NLCL-04                                       | Nhận dạng, phân loại được các chủng loại máy thi công xây dựng           |
| 11        | NLCL-05                                       | Lựa chọn dụng cụ, vật tư, thiết bị bảo dưỡng sửa chữa                    |
| 12        | NLCL-06                                       | Sử dụng thiết bị, dụng cụ kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa     |

|                              |         |                                                             |
|------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------|
| 13                           | NLCL-07 | Sử dụng các thiết bị dụng cụ gia công cơ khí trong sửa chữa |
| 14                           | NLCL-08 | Bảo dưỡng cơ cấu trục khuỷu thanh truyền                    |
| 15                           | NLCL-09 | Bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí                              |
| 16                           | NLCL-10 | Bảo dưỡng hệ thống làm mát                                  |
| 17                           | NLCL-11 | Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn                                 |
| 18                           | NLCL-12 | Bảo dưỡng hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel       |
| 19                           | NLCL-13 | Bảo dưỡng hệ thống khởi động điện                           |
| 20                           | NLCL-14 | Thay bộ hơi động cơ                                         |
| 21                           | NLCL-15 | Cạo rà bạc lót                                              |
| 22                           | NLCL-16 | Thay đệm nắp máy                                            |
| 23                           | NLCL-17 | Mài, rà xupáp                                               |
| 24                           | NLCL-18 | Doa ổ đỡ xupáp                                              |
| 25                           | NLCL-19 | Thay phốt ống dẫn hướng xupáp                               |
| 26                           | NLCL-20 | Thay bạc lót trục cam                                       |
| 27                           | NLCL-21 | Thay bạc đòn gánh xu páp                                    |
| 28                           | NLCL-22 | Thay bộ bánh răng dẫn động cơ cấu phân phối khí             |
| 29                           | NLCL-23 | Thay cánh quạt, ổ bi, phốt, trục bơm nước                   |
| 30                           | NLCL-24 | Cân chỉnh áp suất vòi phun                                  |
| 31                           | NLCL-25 | Lắp đặt bơm cao áp vào động cơ.                             |
| 32                           | NLCL-26 | Bảo dưỡng, sửa chữa bộ tăng áp động cơ                      |
| <b>III Năng lực nâng cao</b> |         |                                                             |
| 33                           | NLNC-01 | Bảo dưỡng, SC bơm thủy lực                                  |
| 34                           | NLNC-02 | Bảo dưỡng, SC các van thủy lực                              |
| 35                           | NLNC-03 | Bảo dưỡng ắc quy thủy lực                                   |
| 36                           | NLNC-04 | Bảo dưỡng, SC đường ống và kết làm mát                      |
| 37                           | NLNC-05 | Sửa chữa động cơ thủy lực                                   |
| 38                           | NLNC-06 | Sửa chữa hộp phân phối                                      |

## 6. Nội dung chương trình:

| Mã<br>MH/<br>MĐ                          | Tên môn học/mô đun                                     | Số<br>tín<br>chỉ | Thời gian học tập( giờ) |              |                                                              |                     |
|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|
|                                          |                                                        |                  | Tổng<br>số              | Trong đó     |                                                              |                     |
|                                          |                                                        |                  |                         | Lý<br>thuyết | Thực<br>hành/<br>thực<br>tập/ thí<br>nghiệm/<br>Thảo<br>luận | Thi/<br>Kiểm<br>tra |
| I. Các môn học chung                     |                                                        | 11               | 255                     | 94           | 148                                                          | 13                  |
| MH 01                                    | Tiếng Anh                                              | 3                | 90                      | 30           | 56                                                           | 4                   |
| MH 02                                    | Tin học                                                | 2                | 45                      | 21           | 21                                                           | 3                   |
| MH 03                                    | Giáo dục Chính trị                                     | 2                | 30                      | 15           | 13                                                           | 2                   |
| MH 04                                    | Pháp luật                                              | 1                | 15                      | 9            | 5                                                            | 1                   |
| MH 05                                    | Giáo dục Quốc phòng và An ninh                         | 2                | 45                      | 15           | 29                                                           | 1                   |
| MH 06                                    | Giáo dục thể chất                                      | 1                | 30                      | 4            | 24                                                           | 2                   |
| II. Các môn học, mô đun chuyên môn       |                                                        | 45               | 1200                    | 317          | 792                                                          | 96                  |
| II.1 Các môn học, mô đun cơ sở           |                                                        | 14               | 225                     | 171          | 28                                                           | 26                  |
| MH 07                                    | Vẽ kỹ thuật                                            | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MH 08                                    | Cơ kỹ thuật                                            | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MH 09                                    | Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật                 | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MH 10                                    | Kỹ thuật an toàn và BHLĐ                               | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MH 11                                    | Vật liệu cơ khí và dầu mỡ bôi trơn                     | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MH12                                     | Điện cơ bản                                            | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MĐ13                                     | Cơ khí cơ bản                                          | 2                | 45                      | 15           | 28                                                           | 2                   |
| II.2 Các môn học, mô đun chuyên môn nghề |                                                        | 31               | 975                     | 146          | 759                                                          | 70                  |
| MH 14                                    | Kỹ năng chuẩn bị thực hiện công việc                   | 2                | 30                      | 26           | 0                                                            | 4                   |
| MĐ 15                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ đốt trong                  | 3                | 75                      | 15           | 52                                                           | 8                   |
| MĐ 16                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện                      | 2                | 45                      | 15           | 23                                                           | 7                   |
| MĐ 17                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel | 2                | 60                      | 15           | 38                                                           | 7                   |
| MĐ 18                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống truyền lực                | 3                | 75                      | 15           | 52                                                           | 8                   |
| MĐ 19                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phanh                     | 2                | 45                      | 15           | 23                                                           | 7                   |
| MĐ 20                                    | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống                           | 2                | 45                      | 15           | 23                                                           | 7                   |



|                                              |                                                 |           |             |            |            |            |
|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|-------------|------------|------------|------------|
|                                              | lái và di chuyển                                |           |             |            |            |            |
| MĐ 21                                        | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa không khí | 2         | 45          | 15         | 23         | 7          |
| MĐ 22                                        | Thực tập tốt nghiệp                             | 11        | 495         |            | 487        | 8          |
| <b>II.3 Môn học/mô đun tự chọn, nâng cao</b> |                                                 |           |             |            |            |            |
| MĐ 23                                        | Bảo dưỡng, SC thiết bị công tác và HT thủy lực  | 2         | 60          | 15         | 38         | 7          |
| <b>Tổng</b>                                  |                                                 | <b>56</b> | <b>1455</b> | <b>411</b> | <b>935</b> | <b>109</b> |

## 7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Giáo dục chính trị: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

- Pháp luật: nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh: Nội dung ban hành theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

- Giáo dục thể chất: Nội dung ban hành theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

- Tin học: Nội dung ban hành theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp.

- Tiếng Anh: Nội dung ban hành theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội dùng cho các trường Trung cấp.

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

Việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo niên chế cần đảm bảo tính kế hoạch, tuần tự và phù hợp với đặc thù đào tạo liên tục theo năm học. Cụ thể như sau:

- Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học,

mô-đun, mỗi học kỳ bố trí giảng dạy các môn học, mô đun theo đúng trình tự và khối lượng đã quy định trong chương trình đào tạo.

- Việc phân công giảng viên, sắp xếp thời khóa biểu, bố trí phòng học, trang thiết bị phải được thực hiện khoa học, hợp lý, bảo đảm chất lượng giảng dạy.

Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế theo nội dung quy định tại Chương II thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 cụ thể:

- Tổ chức lớp học: Nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng lớp học tối đa 10 học sinh, các nội dung khác thực hiện theo điều 20.

- Xếp loại kết quả học tập: Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, người học được xếp loại kết quả học tập theo thang điểm 10, các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn tại điều 21.

- Điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học, tự thôi học: Căn cứ vào tình hình thực tế, do ngoại cảnh tác động có thể điều chỉnh tiến độ học các nội dung khác căn cứ vào tình hình cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại điều 21 và quy chế của trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1 đã ban hành.

- Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, trưởng Khoa chuyên môn có thể đề xuất cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

- Các nội dung khác của hoạt động đào tạo thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại điều 22 đến 27 của thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH.

- Đối tượng tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng: người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

- Sau khi học xong, người học được cấp bằng Trung cấp chính quy.

7.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ;

- Phương thức đào tạo theo tín chỉ/mô đun giúp người học chủ động xây dựng lộ trình học tập, linh hoạt về thời gian và tiến độ học. Việc tổ chức thực hiện cần bảo đảm các nguyên tắc khoa học, minh bạch và hỗ trợ tối đa cho người học.

- Chương trình đào tạo được thiết kế theo mô hình tích lũy, bao gồm các môn học/mô đun (tín chỉ) độc lập hoặc liên thông với nhau.

- Người học được quyền lựa chọn đăng ký học các mô đun/học phần phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện học tập cá nhân.

- Nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng được tổ chức lớp học không quá 10 sinh viên mỗi lớp. Nhà trường có thông báo cho sinh viên đăng ký học tập theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Thực hiện chương trình đào tạo theo

hình thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ thực hiện theo các nội dung quy định tại điều 28 đến điều 35 thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội.

7.4 Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

Việc triển khai đào tạo trực tuyến (online) nhằm tăng cường tính linh hoạt, chủ động cho người học, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục. Tuy nhiên, cần tổ chức thực hiện bài bản, khoa học và đảm bảo chất lượng tương đương đào tạo trực tiếp.

- Lựa chọn các môn học, mô đun có tính lý thuyết cao, ít phụ thuộc vào thực hành trực tiếp hoặc thiết bị chuyên dụng.

- Sử dụng các nền tảng LMS (Learning Management System) như Moodle, Google Classroom, MS Teams... để:

- + Quản lý nội dung học tập.

- + Tổ chức lớp học, diễn đàn thảo luận, nộp bài tập.

- + Theo dõi tiến độ, điểm danh và đánh giá người học

- Tổ chức dạy học trực tuyến:

- + Lập kế hoạch giảng dạy rõ ràng: lịch học, hình thức học (đồng bộ qua Zoom, MS Teams... hay không đồng bộ qua LMS).

- + Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật: đường truyền ổn định, thiết bị phù hợp, tài khoản truy cập LMS cho người học.

- Tổ chức đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện đối với toàn bộ chương trình đào tạo hoặc chỉ áp dụng đối với một số môn học, mô - đun, tín chỉ có nội dung phù hợp trong chương trình đào tạo. Việc lựa chọn tổ chức đào tạo trực tuyến toàn bộ chương trình hoặc lựa chọn đào tạo một số môn học, mô - đun, tín chỉ trong chương trình đào tạo do Hiệu trưởng trường CDN Việt Xô số 1 quyết định.

- Bắt đầu khóa nhà trường tổ chức kiểm tra xem xét và quyết định miễn giảm những nội dung môn học, mô - đun, tín chỉ mà người học đã được học, có kết quả điểm đạt yêu cầu hoặc số mô - đun, tín chỉ mà người học đã tích lũy được trước khi vào học.

- Quá trình tổ chức đào tạo phải đảm bảo sự tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học với người học thể hiện ở việc tham dự các buổi học, buổi hướng dẫn, thảo luận; hoàn thành việc học tập các nội dung từ các học liệu chính, học liệu bổ trợ; thực hiện các bài tập, bài thực hành, đánh giá; phản hồi với người dạy về những nội dung giảng dạy, thực hành.

- Nhà trường cần xây dựng quy chế đào tạo trực tuyến trong đó xác định rõ các nội dung cần phải thực hiện như tổ chức lớp học, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến tại trường;

- Việc tổ chức lớp học trực tuyến được thực hiện theo lớp học truyền thống (lớp học trực tiếp tại trường) và được duy trì bằng các phần mềm, ứng dụng đào tạo trực tuyến của nhà trường xây dựng hoặc các phần mềm, ứng dụng khác (zalo, viber, facebook, v.v...) do giáo viên lựa chọn;

- Nhà giáo giảng dạy môn học trực tuyến thực hiện việc quản lý lớp theo quy chế đào tạo trực tuyến của nhà trường, bảo đảm sự tham gia học tập đầy đủ của sinh viên; thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu để làm minh chứng và ghi chép hồ sơ, sổ sách trong đào tạo theo quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp;

- Kết quả kiểm tra, đánh giá trực tuyến được ghi vào bảng điểm trong hồ sơ học tập và công nhận trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, được dùng làm cơ sở cho việc tham gia đánh giá kỹ năng nghề và công nhận để tiếp tục học liên thông với các trình độ đào tạo khác;

- Các quy định khác về tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả học tập trong đào tạo trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội.

#### 7.5 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

| Số TT | Nội dung                                                                                          | Thời gian                                                                                   |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Thể dục, thể thao                                                                                 | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày                                                |
| 2     | Văn hoá, văn nghệ:<br>- Qua các phương tiện thông tin đại chúng<br>- Sinh hoạt tập thể            | Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)                                |
| 3     | Hoạt động thư viện<br>Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần                                                         |
| 4     | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể                                                      | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5     | Thăm quan, dã ngoại                                                                               | Mỗi học kỳ 1 lần                                                                            |

#### 7.6 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học mô đun

Tùy thuộc vào môn học hay mô đun và điều kiện thực hiện chương trình đào tạo của từng môn học/mô đun mà lựa chọn hình thức tổ chức kiểm tra hết môn học mô đun, gồm có các hình thức sau:

- Hình thức kiểm tra hết môn : Viết tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập kỹ năng tổng hợp.

- Thời gian kiểm tra : + Lý thuyết : không quá 120 phút ;

+ Vấn đáp : không quá 30 phút chuẩn bị và 30 phút thực hiện bài thi ;

+ Bài tập kỹ năng tổng hợp : không quá 8h.

#### 7.7. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Người học phải học hết chương trình đào tạo, tất cả các môn học mô đun trong chương trình đào tạo phải có điểm tổng kết trung bình môn  $\geq 5.0$ , và các điều kiện quy định khác cụ thể của nhà trường thì được dự thi tốt nghiệp hoặc tham gia bảo vệ đồ án tốt nghiệp.

| Số TT | Môn thi                                                              | Hình thức thi                                                                | Thời gian thi                                                                                                    |
|-------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Kiến thức, kỹ năng nghề:<br>- Lý thuyết chuyên môn                   | Viết<br>Trắc nghiệm<br>Vấn đáp                                               | Không quá 180 phút<br>Không quá 120 phút<br>Không quá 60 phút<br>(40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên) |
| 2     | - Thực hành                                                          | Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp                                           | Không quá 24 giờ                                                                                                 |
|       | - Mô đun tốt nghiệp ( <i>tích hợp giữa lý thuyết với thực hành</i> ) | Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành                                      | Không quá 24 giờ                                                                                                 |
|       | Bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp                                   | Trình bày trực tiếp trên sản phẩm tốt nghiệp của cá nhân hoặc nhóm sinh viên | Không quá 30 phút/1 sinh viên                                                                                    |

Vĩnh Phúc, ngày      tháng      năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Đức Tiệp**